

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 12**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*
- Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;*
- Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;*
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*
- Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*
- Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 12390/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 197/BC-BVHXH ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 397/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023. /.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh;
- Đảng ủy khối doanh nghiệp;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (2 bản);
- Lưu: VT, NBG, NhN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Mạnh Dũng**



## QUY ĐỊNH

### Mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27 /2023/NQ-HĐND  
ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
- Các nội dung chi từ nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh Khánh Hòa để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Quốc gia, cấp Bộ được thực hiện theo mức chi tương ứng tại Quy định này.
- Các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó; khuyến khích các đơn vị thực hiện theo quy định này.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.
- Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước theo Quy định này là định mức tối đa, áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
- Các nội dung khác liên quan đến định mức lập dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan.

## Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### Điều 4. Định mức làm căn cứ lập dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

#### 1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao được quy định cụ thể như sau:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ tối đa 32 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; tối đa 16 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

- Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN, trong đó định mức thù lao thực hiện nhiệm vụ theo tháng của chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ (DMCN) tính theo quy định tại khoản này.

#### 2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

##### a) Thuê chuyên gia trong nước

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này.

##### b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Định mức chi thù lao tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu, quy định như sau:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Người chủ trì	người/buổi hội thảo	1.600	800
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	người/buổi hội thảo	400	200
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học	báo cáo/hội thảo	2.400	1.200
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học	báo cáo/hội thảo	1.200	600
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	người/buổi hội thảo	240	120

4. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này và cụ thể mức chi như sau:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
a.	Chi hợp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		720	360
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600	300
	Thư ký khoa học		120	75
	Thư ký hành chính		120	75
	Đại biểu được mời tham dự		80	40
b.	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		280	140
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400	200

#### 5. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không quá 200.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và không quá 20.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

#### **Điều 5. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

##### 1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học công nghệ

##### a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a.	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.200	600
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800	400
	Thư ký khoa học		240	150
	Thư ký hành chính		240	150
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b.	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	280
c.	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		560	280
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		400	200
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chi xét duyệt đề cương nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
a.	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.440	720
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200	600
	Thư ký khoa học		240	150

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
	Thư ký hành chính		240	150
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b.	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		560	280
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	400
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a.	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		1.440	720
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.200	600
	Thư ký khoa học		240	150
	Thư ký hành chính		240	150
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b.	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		560	280
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	400
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	01 chuyên gia	1.200	600

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ, mức chi cụ thể quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định này.

2. Chi-hoạt động của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800	400
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	560	280
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	250	150
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	160	80

### 3. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 02/2023/TT-BKH&CN. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ, mức chi cụ thể quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định này.

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này.

## Chương III

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách tỉnh.
2. Kinh phí của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đối ứng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.



**Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành./.

